

## TUẦN 33

### Toán(tăng)

**Ôn tập: Nhân, chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000**

#### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

##### **1. Năng lực đặc thù**

- Củng cố cho học sinh cách thực hiện phép nhân, chia cho số có 1 chữ số trong phạm vi 100 000.
- Rèn kĩ năng làm tính, giải toán, một cách nhanh và chính xác
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải bài tập, các bài toán thực tế liên quan đến phép nhân, chia trong phạm vi 100 000.

##### **2. Năng lực chung**

- Phát triển năng lực tính toán, tư duy toán học; NL tự học và giải quyết vấn đề.

##### **2. Phẩm chất**

- HS tích cực tham gia tiết học, yêu thích học môn Toán, có hứng thú hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

#### **II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

##### **1. Khởi động**

- Cho HS khởi động qua bài hát.
- Nhắc lại cách đặt tính, tính phép nhân các số với số có một chữ số trong phạm vi 100 000.
- Nêu cách thực hiện chia số có năm chữ số cho số có một chữ số.
- Nêu lại cách tính giá trị biểu thức?
- Nhận xét.

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng một hàng thẳng cột với nhau. Lấy thừa số thứ hai nhân lần lượt với từng chữ số của thừa số thứ nhất theo thứ tự từ phải sang trái.

- 2 HS nhắc lại.

- HS nêu cách tính trong từng trường hợp. Nhận xét.

##### **2. Luyện tập**

**Bài 1.** Đặt tính rồi tính

$$524 \times 3 \qquad 7216 \times 5$$

$$12\,157 \times 4 \qquad 251 : 4$$

$$2337 : 3 \qquad 10\,409 : 7$$

- YC HS làm bài sau đó chữa bài.

- YCHS nêu cách nhân.

- HS nêu yêu cầu bài tập.

- HS làm bài cá nhân.

- Chữa bài nêu cách thực hiện.

\* Lấy thừa số thứ hai nhân lần lượt với từng chữ số của thừa số thứ nhất theo thứ tự từ phải sang trái, nếu có nhớ phải thêm vào tích của hàng liền kề trước nó

- Đọc, xác định đề bài.

=> Củng cố cách thực hiện nhân ,chia với (cho) số có 1 chữ số trong phạm vi 100 000.

**Bài 2.** Tính giá trị của biểu thức:

a.  $12607 \times 3 + 12607$

- b.  $2 \times 2134 \times 5$   
 c.  $84526 - 38362 \times 2 + 23450$   
 d.  $10\,524 \times 3 - 17\,845 : 5$   
 e.  $(42\,017 + 39\,274) : 3$   
 g.  $24\,672 : 4 \times 9$   
 - YC HS làm bài, chữa bài.

- Nêu các tính khác.

- Phần b em nào có cách làm khác?

=> *Chốt thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức.*

Lưu ý:: Thay đổi vị trí các thừa số trong một tích thì tích không thay đổi để tính kết quả thuận tiện nhất.

**Bài 3:** Có 2 xe ô tô tải, mỗi xe chở 2134 túi đường, mỗi túi đựng được 5 kg đường. Hỏi hai xe ô tô chở được bao nhiêu ki - lô- gam đường?

- Yêu cầu HS phân tích đề
- Yêu cầu HS giải bài toán.

Lưu ý: Bài toán có nhiều cách giải em chọn cách làm ngắn gọn em hiểu

=> *Củng cố: giải toán có lời văn bằng hai phép tính.*

**Bài 4.** Hai số có thương bằng 2345. Nếu giữ nguyên số chia và tăng số bị chia lên 9 lần thì được thương mới bằng bao nhiêu?

- HS tự làm bài, chữa bài, nêu cách thực hiện.

$$\begin{aligned} \text{a. } & 12607 \times 3 + 12607 \\ & = 37821 + 12607 \\ & = 50428 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} * & 12607 \times 3 + 12607 = 12607 \times 4 \\ & = 50428 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b.C1: } & 2 \times 2134 \times 5 = 4268 \times 5 \\ & = 21\,340 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} * \text{C2: } & 2 \times 2134 \times 5 = 2 \times 5 \times 2134 \\ & = 10 \times 2134 \\ & = 21\,340 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{c. } & 84526 - 38362 \times 2 + 23450 \\ & = 84526 - 76724 + 23450 \\ & = 7802 + 23450 = 31\,152 \end{aligned}$$

- HS đọc đề.

- HĐ nhóm thảo luận cách làm
- HS làm bài vở 1 HS làm bảng lớp

Bài giải

Mỗi xe chở được số ki - lô- gam đường là:

$$2134 \times 5 = 10670 \text{ (kg)}$$

Hai xe chở được số ki - lô- gam đường là:

$$10670 \times 2 = 21340 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 21340 kg đường

- HS đọc đề bài.

**HD:** Trong phép chia hết, khi SBC tăng lên lên một số lần và giữ nguyên số chia thì thương thay đổi thế nào?

- Tăng SBC lên 9 lần và giữ nguyên số chia thì thương sẽ tăng lên bao nhiêu lần?

- Yêu cầu làm bài vào vở

=>Chốt: Trong phép chia, nếu giữ nguyên số chia và tăng số bị chia lên bao nhiêu lần thì thương sẽ tăng lên bấy nhiêu lần.

### 3. Vận dụng

- Nêu cách nhân số có 5 chữ số với số có 1 chữ số

- Nhận xét giờ học.

\* Thương mới sẽ tăng lên bấy nhiêu lần.

- 9 lần

- HS trình bày bài giải vào vở.

- Chữa bài, nhận xét.

Giải

Trong phép chia, nếu giữ nguyên số chia và tăng số bị chia lên 9 lần thì thương sẽ tăng lên 9 lần.

Vậy thương mới bằng:

$$2345 \times 9 = 21105$$

Đáp số : 21105.

- HS nêu.

## Toán (tăng)

### LUYỆN TẬP: TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH.

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

##### 1. Năng lực đặc thù

- Củng cố, khắc sâu kiến thức cho HS về cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính.

- HS thuộc quy tắc, tính đúng thành phần chưa biết của phép tính; vận dụng giải toán có lời văn.

##### 2. Năng lực chung

Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác; NL tự học và giải quyết vấn đề.

##### 3. Phẩm chất

- HS tích cực tham gia tiết học, yêu thích học môn Toán, có hứng thú hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

#### II. ĐỒ DÙNG

- GV: Bảng phụ (BT2).

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

##### Hoạt động của GV

##### 1. Khởi động

##### Hoạt động của HS

- Cho HS chơi trò chơi: Ai nhanh hơn?
- GV đưa các phép tính tìm thành phần chưa biết, HS trả lời nhanh kết quả.
- Nhận xét.
- Gv giới thiệu bài trực tiếp.
- Muốn tìm số hạng chưa biết ta làm như thế nào?
- Muốn tìm số bị trừ, số trừ chưa biết ta làm thế nào?
- Muốn tìm thừa số chưa biết ta làm thế nào?
- Muốn tìm số bị chia, số chia ta làm thế nào?
- GV nhận xét, chốt cách tìm thành phần chưa biết trong phép cộng, trừ, nhân, chia.

## 2. Luyện tập

**Bài 1:** Tìm thành phần chưa biết trong các phép tính sau:

$$\begin{array}{ll} \text{a) } 1264 + ? = 19825 & ? + 3907 = 4015 \\ \text{b) } 7134 - ? = 1314 & ? - 2006 = 10957 \\ \text{c) } ? \times 4 = 40252 & 6 \times ? = 558 \\ \text{d) } ? : 7 = 103 & 8256 : ? = 8 \\ \text{e) } ? + 5 = 440 : 8 \end{array}$$

- Yêu cầu HS tự làm bài.
- H/d chữa bài trên bảng lớp.
- + Bài tập phần e có gì cần lưu ý?

+ Khi giải phần e ta làm thế nào?

- HS nhận xét
- GV chốt lại: *Củng cố cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính. Lưu ý dạng có vế phải là một biểu thức số.*

**Bài 2:** Số ?

a)

|            |      |       |     |      |      |
|------------|------|-------|-----|------|------|
| Số bị chia | ?    | 12108 | ?   | 2415 |      |
| Số chia    | 7    | ?     | 4   | ?    | 3    |
| Thương     | 1031 | 6     | 259 | 5    | 2058 |

- HS tham gia chơi.
- Nhiều HS nhắc lại các quy tắc đã học.

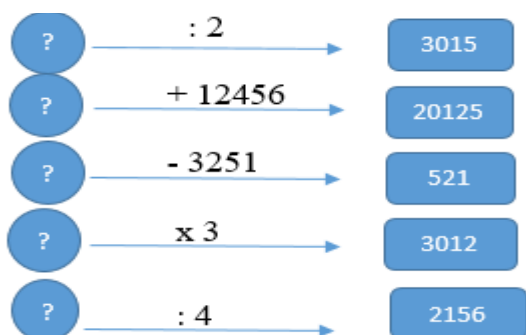
- HS lắng nghe

- HS đọc yêu cầu của bài. Phân tích bài toán.

- Học sinh làm bài vào vở.
- HS lên bảng chữa bài, nhận xét.
- + Vế trái là 1 tổng, vế phải là 1 biểu thức số.
- + Ta cần thực hiện tính giá trị của biểu thức số trước sau đó mới tìm số hạng chưa biết.

$$\begin{array}{l} \text{e) } ? + 5 = 440 : 8 \\ \quad ? + 5 = 55 \\ \quad 50 + 5 = 55 \end{array}$$

- HS đọc đề.

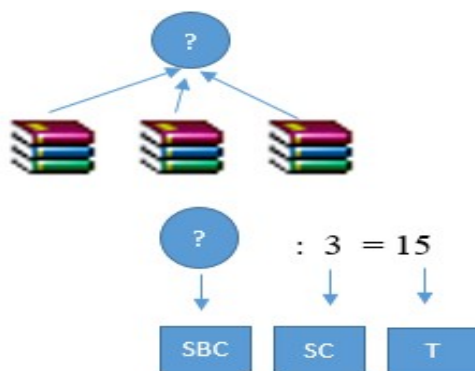


b)

- GV tổ chức trò chơi :Ai nhanh ?Ai đúng cho HS: Chia HS làm 2 đội, mỗi đội 5 bạn. Đội 1 làm phần a, đội 2 làm phần b. Trong thời gian 4 phút, mỗi bạn trong đội lần lượt lên ghi kết quả tính được vào ô trống của mỗi phần. Đội làm đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.
- HS còn lại làm vở bài tập, cổ vũ và nhận xét kết quả của 2 đội chơi.
- GV nhận xét, tuyên dương đội thắng cuộc.
- GV chốt: *Củng cố cho HS cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính*

**Bài 3:** Lớp 3C đạt được thành tích lớp xuất sắc nên được nhà trường tặng cho một thùng vở phần thưởng. Cô giáo chia đều cho 3 tổ, mỗi tổ 15 quyển vở. Hỏi lớp 3C đã được tặng bao nhiêu quyển vở?

- Bài toán cho biết gì. Bài toán hỏi gì?
- Muốn biết lớp được tặng bao nhiêu quyển vở ta làm như thế nào?
- Lớp có mấy tổ? Mỗi tổ bao nhiêu quyển vở?
- GV gợi ý:



- Y/c HS tự làm bài rồi chữa bài.
- GV nhận xét, đánh giá.

- HS đọc đề.

- HS tham gia chơi.

- Các bạn còn lại thực hiện bài vào vở. HS nhận xét.

- HS đọc đề bài.

-HS phân tích đề.

\*HS nêu cách làm: Muốn tính số vở lớp 3C được tặng ta lấy số vở mà 1 tổ được tặng nhân với số tổ của lớp.

+ Lớp có 3 tổ.

+ Mỗi tổ được tặng 15 quyển vở.

*Củng cố giải bài toán liên quan đến tìm thành phần chưa biết trong phép tính.*

**Bài 4:** Một số chia cho 5 được thương là 25 và dư 2. Tìm số đó.

- Hướng dẫn HS phân tích đề bài.

\*Nêu cách làm.

$$: 5 = 25 (\text{ dư } 2)$$

- HS lên bảng làm bài.

- GV chữa bài, nhận xét.

- *Củng cố cách tìm số bị chia tròn phép chia có dư.*

### **3. Vận dụng**

- Muốn tìm số bị chia trong phép chia có dư ta làm như thế nào?

- GV nhận xét giờ học; dặn HS về xem lại bài để nắm vững cách giải.

- HS làm bài trong vở rồi chữa bài. Nhận xét.

- HS lắng nghe.

- HS đọc đề bài.

- HS nhắc lại quy tắc tìm số bị chia:

+ Trong phép chia hết muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

\* Trong phép chia có dư muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia rồi cộng với số dư.

- 2HS lên bảng làm bài, lớp làm vở bài tập.

$$: 5 = 25 (\text{ dư } 2)$$

- Nhiều HS nhắc lại.

- HS lắng nghe.

---

## **Toán (tăng)**

### **LUYỆN TẬP: DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG.**

#### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

##### **1. Năng lực**

- Củng cố, khắc sâu kiến thức cho HS về cách tính diện tích của hình chữ nhật, hình vuông.

- HS thuộc quy tắc, tính đúng diện tích của hình chữ nhật, hình vuông; vận dụng giải toán có nhiều phép tính.

- HS tự giác, tích cực học tập.

##### **2. Phẩm chất**

- HS tích cực tham gia tiết học, yêu thích học môn Toán, có hứng thú hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

## **II. ĐỒ DÙNG**

- GV: Bảng phụ (BT4).

## **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

### **Hoạt động của GV**

#### **1. Khởi động**

- Gv tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Ai nhanh? Ai đúng?”
- Quản trò nêu độ dài cạnh của hình vuông hoặc hình chữ nhật, lớp ghi nhanh diện tích hình đó ra bảng con.
- GV nhận xét, giới thiệu bài.
- Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta làm như thế nào?
- Muốn tính diện tích hình vuông làm như thế nào?

- Để tính được diện tích của HCN, hình vuông cần phải biết những yếu tố nào?

- GV nhận xét, củng cố cách tính chu vi, diện tích của HV, HCN.

#### **2. Luyện tập**

**Bài 1:** a) Tính diện tích hình vuông có cạnh là 9cm.

b) Tính diện tích hình chữ nhật có chiều dài là 1dm, chiều rộng là 8cm.

- YCHS phân tích đề bài.
- Yêu cầu HS tự làm bài.
- H/d chữa bài trên bảng lớp.
- + Bài tập phần b có gì cần lưu ý?

- *Củng cố cách tính diện tích hình vuông, hình chữ nhật, lưu ý HS chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật phải cùng đơn vị đo*

**Bài 2:** Một hình vuông có chu vi là 20 cm. Tính diện tích của hình vuông đó.

### **Hoạt động của HS**

- HS tham gia chơi bằng bảng con.

- HS lắng nghe.

- 2 HS nhắc lại.

- Một số HS nêu trước lớp.

\*2 HS lên viết thành công thức tính diện tích của HCN, HV.

- Nhận xét.

- Cần biết số đo chiều dài, chiều rộng của HCN, độ dài một cạnh của hình vuông.

- HS đọc yêu cầu của bài. Phân tích bài toán.

- Học sinh làm bài vào vở.

- 1 HS chữa bài, nhận xét.

+ Phần b là 2 cạnh không cùng đơn vị đo. Khi không cùng đơn vị đo để tính được diện tích ta cần đổi về cùng đơn vị đo

- HS ghi nhớ.

- HS đọc đề, phân tích bài toán.

- H/d phân tích đề toán.
- Nêu các bước giải bài toán.

- Cho HS làm bài rồi h/d chữa bài.

*Củng cố cho HS cách tính diện tích hình vuông khi biết chu vi.*

**Bài 3:** Một miếng bìa hình chữ nhật có nửa chu vi là 48cm, chiều dài là 40 cm. Tính diện tích miếng bìa hình chữ nhật đó?

- Bài toán cho biết gì. Bài toán hỏi gì?
- Muốn tính diện tích miếng bìa đó ta cần phải biết gì ?
- Chiều nào đã biết, chiều nào chưa biết, tìm chiều chưa biết bằng cách nào ?

- Y/c HS tự làm bài rồi chữa bài.

- GV nhận xét, đánh giá.

*Củng cố giải bài toán liên quan đến chu vi và diện tích HCN.*

### 3. Vận dụng

**Bài 4:** (BP) Một hình chữ nhật có diện tích là  $36 \text{ cm}^2$ , nếu gấp chiều rộng của hình chữ nhật lên 2 lần, gấp chiều dài lên 3 lần thì diện tích hình chữ nhật mới là bao nhiêu?

- Hướng dẫn HS phân tích đề bài.

\*Nêu cách làm.

- GV chữa bài, nhận xét. *Củng cố giải toán liên quan đến diện tích HCN.*

- Muốn tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông ta làm như thế nào?

- GV nhận xét giờ học; dặn HS về xem lại

-B1: Tính độ dài một cạnh (chu vi chia cho 4)

-B2: Tính diện tích HV

- HS tự làm trong vở. 1 HS làm trên bảng. Nhận xét.

- HS đọc đề bài và phân tích bài toán theo hướng dẫn.

- HS nêu.

- Cần phải biết chiều dài và chiều rộng

- Chiều dài đã biết, tìm chiều rộng bằng cách lấy nửa chu vi trừ chiều dài.

- HS làm trong vở. 1 em chữa bài trên bảng.

- HS đọc đề bài.

-HS phân tích đề.

\*HS nêu cách làm: vì diện tích HCN bằng chiều dài nhân với chiều rộng nên khi gấp chiều rộng lên 2 lần, gấp chiều dài lên 3 lần thì diện tích sẽ tăng thêm:

$$2 \times 3 = 6 \text{ (lần)}$$

Vậy diện tích mới là:

$$36 \times 6 = 216 \text{ (cm}^2\text{)}$$

- HS làm bài trong vở rồi chữa bài.

-Nhận xét.

- 2 HS nêu lại.

- HS lắng nghe.

bài để nắm vững cách giải.

|